

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ: KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 2, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Tài chính doanh nghiệp		
Mã học phần:	71FINN30033	Số tin chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:			
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	90	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không	

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:
- Quy ước đặt tên file đề thi:
 - + **Mã học phần**_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1
 - + **Mã học phần**_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1_Mã đề (*Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi*).

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhật Linh).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/P I
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO 1	Giải thích và minh họa được các vấn đề của tổng quan tài chính doanh nghiệp, thị trường tài chính, tổ chức tài chính; các khái niệm cơ bản về quản lý tài chính như báo cáo tài chính, dòng tiền, thuế, phân tích báo cáo tài chính, giá trị thời gian của tiền tệ, lãi suất, tài sản tài chính và hiệu quả dự án vốn	Trắc nghiệm	30%	Câu 1,2,3,6,7,11,12, 16,21,22,26,27	3 điểm(0.25 điểm/câu)	PI 3.1,A
CLO 2	Vận dụng kiến thức về phân tích báo cáo tài chính, chiết khấu dòng tiền, lãi suất, trái phiếu, cổ phiếu để đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp; định giá, đánh giá rủi ro các tài sản tài chính; tính toán cơ cấu chi phí vốn tài trợ dự án, doanh nghiệp và đánh giá được hiệu quả đầu tư vốn dài hạn	Trắc nghiệm + Tự luận	70%	Trắc nghiệm: câu 4, 5,8,9,10,13,14, 15,17,18,19,20, 23,24,25,28,29, 30 và câu tự luận	4.5 điểm trắc nghiệm (0.25 điểm/câu) và 2.5 điểm tự luận (0.5 điểm /nội dung hỏi)	PI3.2

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) *Nêu nội dung của CLO tương ứng.*

(3) *Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.*

(4) *Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).*

(5) *Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.*

(6) *Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.*

(7) *Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.*

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (30 câu _ 7,5 điểm)

Câu 1: Bạn quan sát các thông tin sau về Công ty X và Công ty Y:

- Công ty X có lợi nhuận kỳ vọng cao hơn Công ty Y.
- Công ty X có độ lệch chuẩn lợi nhuận thấp hơn Công ty Y.
- Công ty X có beta cao hơn Công ty Y.

Với thông tin này, phát biểu nào sau đây là ĐÚNG?

- A. Công ty X có hệ số biến thiên thấp hơn Công ty Y.
- B. Công ty X và công ty Y có rủi ro như nhau.
- C. Mua cổ phiếu của Công ty X chắc chắn có được lợi nhuận cao hơn mua cổ phiếu của Công ty Y.
- D. Công ty X có ít rủi ro thị trường hơn Công ty Y.
- E. Lợi nhuận của Công ty X sẽ âm, trong khi lợi nhuận của Công ty Y sẽ dương.

ANSWER: A

Câu 2: Danh mục đầu tư của bạn bao gồm \$50.000 đầu tư vào Cổ phiếu X và \$50.000 đầu tư vào Cổ phiếu Y. Cả hai cổ phiếu đều có tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng là 15%, hệ số beta là 1,6 và độ lệch chuẩn là 30%. Tỷ suất lợi nhuận của hai cổ phiếu này là độc lập, vì vậy hệ số tương quan giữa chúng bằng 0. Câu nào sau đây mô tả đúng nhất các đặc điểm danh mục đầu tư của bạn?

- A. Danh mục đầu tư của bạn có hệ số beta bằng 1,6 và tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng là 15%.
- B. Danh mục đầu tư của bạn có độ lệch chuẩn là 30% và tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng của nó là 15%.
- C. Danh mục đầu tư của bạn có độ lệch chuẩn nhỏ hơn 30% và hệ số beta lớn hơn 1,6.
- D. Danh mục đầu tư của bạn có độ lệch chuẩn lớn hơn 30% và hệ số beta bằng 1,6.
- E. Danh mục đầu tư của bạn có hệ số beta lớn hơn 1,6 và tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng lớn hơn 15%.

ANSWER: A

Câu 3: Câu nào sau đây mô tả ĐÚNG nhất về điều sẽ xảy ra khi bạn chọn ngẫu nhiên các cổ phiếu và thêm chúng vào danh mục đầu tư của mình?

- A. Thêm nhiều cổ phiếu như vậy sẽ làm giảm rủi ro phi hệ thống hoặc có thể đa dạng hóa danh mục đầu tư.
- B. Thêm nhiều cổ phiếu như vậy sẽ làm giảm beta của danh mục đầu tư.
- C. Thêm nhiều cổ phiếu như vậy sẽ làm tăng lợi nhuận kỳ vọng của danh mục đầu tư.
- D. Thêm nhiều cổ phiếu như vậy sẽ làm giảm rủi ro thị trường của danh mục đầu tư.
- E. Thêm nhiều cổ phiếu như vậy sẽ không ảnh hưởng đến rủi ro của danh mục đầu tư.

ANSWER: A

Câu 4: Cổ phiếu của Công ty ARS có 50% cơ hội tạo ra lợi nhuận 30%; 35% cơ hội tạo ra lợi nhuận 9% và 15% cơ hội tạo ra lợi nhuận -25%. Hối tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng của MU là bao nhiêu?

- A. 14,4%
- B. 15,2%
- C. 16,0%
- D. 16,8%
- E. 17,6%

ANSWER: A

Câu 5: Lãi suất phi rủi ro là 5%. Cổ phiếu A có beta = 1,0 và Cổ phiếu B có beta = 1,4. Cổ phiếu A có tỷ suất lợi nhuận yêu cầu là 11%. Tỷ suất lợi nhuận yêu cầu của Cổ phiếu B là bao nhiêu?

- A. 13,4%
- B. 12,4%
- C. 14,4%
- D. 15,4%
- E. 16,4%

ANSWER: A

Câu 6: Một sự gia tăng tỷ lệ tăng trưởng mong đợi của công ty (g %) thường khiến tỷ suất sinh lời yêu cầu (r_e %) của nó ____.

- A. tăng theo
- B. giảm đi
- C. biến động
- D. giữ nguyên
- E. có thể tăng, giảm hoặc không bị ảnh hưởng gì

ANSWER: A

Câu 7: Quyền ưu tiên mua cổ phần (The preemptive right) quan trọng với cổ đông bởi vì nó ____.

- A. bảo vệ các cổ đông hiện tại tránh tình trạng bị pha loãng quyền lợi về tỷ lệ sở hữu của họ.
- B. cho phép các nhà quản lý mua thêm cổ phần dưới mức giá thị trường
- C. được nêu trong điều lệ công ty
- D. Giúp tăng mức cổ tức nhận được trên mỗi cổ phần
- E. Bảo vệ trái chủ và thực sự cho phép công ty phát hành nợ với mức lãi suất thấp

ANSWER: A

Câu 8: Công ty CHEL năm ngoái chia cổ tức là \$1. Cổ tức được mong đợi tăng trưởng 15% mỗi năm trong 2 năm tới, sau đó là 10% mãi mãi. Tỷ suất sinh lời yêu cầu của Connor là 12%. Hỏi giá cổ phiếu hiện tại của Connor là bao nhiêu?

- A. \$ 60,07
- B. \$ 54,91
- C. \$ 56,82
- D. \$ 58,15
- E. \$ 62,87

ANSWER: A

Câu 9: Công ty TOT có giá cổ phiếu là \$20, và cổ tức mong đợi cuối năm (D_1) là \$2. Tỷ suất sinh lời yêu cầu của cổ phiếu là 15%, và cổ tức được mong đợi tăng trưởng đều mãi mãi. Hỏi giá của cổ phiếu này sau 7 năm là bao nhiêu?

- A. \$ 28,14
- B. \$ 27,18
- C. \$ 29,95
- D. \$ 30,45
- E. \$ 31,81

ANSWER: A

Câu 10: Công ty Corrigan đã thanh toán \$1 cổ tức cho mỗi cổ phần cho năm vừa rồi và cổ tức được mong đợi tăng trưởng 5% mỗi năm trong tương lai. Công ty có hệ số beta là 1,2, phần bù rủi ro thị trường là 5% và lãi suất phi rủi ro là 3%. Hỏi giá cổ phiếu hiện tại của công ty là bao nhiêu?

- A. \$ 26,25
- B. \$ 19,25
- C. \$ 21
- D. \$ 22,75
- E. \$ 24,5

ANSWER: A

Câu 11: Công ty AST ước tính rằng các dự án có rủi ro trung bình có WACC là 10%, các dự án có rủi ro dưới mức trung bình có WACC là 8% và các dự án có rủi ro trên trung bình có WACC là 12%. Công ty nên chấp nhận dự án nào sau đây (A, B hay C)?

- A. Dự án B có rủi ro dưới mức trung bình và có tỷ suất sinh lợi là 8,5%.
- B. Dự án A có rủi ro trung bình và có tỷ suất sinh lợi là 9%.
- C. Dự án C có rủi ro trên trung bình và có tỷ suất sinh lợi là 11%.
- D. Không có dự án nào nên được chấp nhận.
- E. Tất cả các dự án nên được chấp nhận.

ANSWER: A

Câu 12: Phát biểu nào sau đây về chi phí vốn là ĐÚNG?

- A. Nếu thuế suất của một công ty tăng lên, thì chi phí vốn bình quân gia quyền của công ty đó sẽ giảm xuống.
- B. Tính toán WACC dựa trên chi phí trước thuế của tất cả các thành phần vốn riêng lẻ.
- C. Sự thay đổi cấu trúc vốn mục tiêu của công ty không ảnh hưởng đến WACC của công ty.
- D. Tính toán WACC chỉ dựa trên chi phí của vốn chủ sở hữu.
- E. Cổ phần phổ thông có chi phí vốn thấp nhất trong tất cả các loại vốn.

ANSWER: A

Câu 13: Bạn được thuê làm cố vấn cho Công ty BRI và bạn được cung cấp dữ liệu sau: Cơ cấu vốn mục tiêu: 40% nợ, 10% vốn cổ phần ưu đãi và 50% vốn cổ phần thường. Chi phí nợ sau thuế là 4,00%, chi phí vốn cổ phần ưu đãi là 7,50% và chi phí lợi nhuận giữ lại là 11,50%. Công ty sẽ không phát hành bất kỳ cổ phiếu mới nào. Hỏi chi phí vốn bình quân gia quyền (WACC) của công ty là bao nhiêu?

- A. 8,10%
- B. 7,55%
- C. 7,73%
- D. 7,94%
- E. 8,32%

ANSWER: A

Câu 14: Công ty MC đã thuê bạn để giúp họ ước tính chi phí vốn. Bạn được cung cấp các dữ liệu sau: $D_1 = \$1,25$; $P_0 = \$40$; $g = 6\%$ (không đổi) và F (chi phí phát hành) = 5%. Công ty phải phát hành cổ phiếu mới để huy động vốn, chi phí sử dụng vốn cổ phần thường mới là bao nhiêu?

- A. 9,29%
- B. 9,40%
- C. 9,62%
- D. 9,85%
- E. 9,99%

ANSWER: A

Câu 15: Cổ phiếu ưu đãi vĩnh viễn của một công ty hiện đang giao dịch ở mức 80 USD/cổ phiếu và trả cổ tức hàng năm là 6,00 USD/cổ phiếu. Nếu công ty bán cổ phiếu ưu đãi mới, công ty sẽ phải chịu chi phí phát hành là 4%. Chi phí vốn cổ phần ưu đãi của công ty sẽ là bao nhiêu?

- A. 7,81%
- B. 7,51%
- C. 7,99%
- D. 8,36%
- E. 8,62%

ANSWER: A

Câu 16: Khẳng định nào sau đây là ĐÚNG? Giả sử rằng dự án đang được xem xét có dòng tiền bình thường, với một dòng tiền âm theo sau là một loạt dòng tiền vào dương.

- A. Nếu NPV của một dự án nhỏ hơn 0, thì IRR của nó phải nhỏ hơn WACC.
- B. NPV của dự án được tính bằng cách gộp dòng tiền vào với lãi suất IRR để tìm giá trị cuối cùng (TV), sau đó chiết khấu TV với lãi suất WACC.
- C. WACC được sử dụng để tính toán càng thấp thì NPV tính được sẽ càng thấp.
- D. Nếu NPV của một dự án lớn hơn 0, thì IRR của nó phải nhỏ hơn 0
- E. NPV của một dự án có rủi ro tương đối thấp nên được tính toán bằng cách sử dụng WACC tương đối cao.

ANSWER: A

Câu 17: Công ty LIV đang xem xét một dự án có dòng tiền và chi phí vốn bình quân gia quyền (WACC) như sau:

WACC = 10%

Năm	0	1	2	3
Dòng tiền	-\$1.000	\$500	\$500	\$500

NPV của dự án là bao nhiêu? Lưu ý rằng NPV dự kiến của dự án có thể âm, trong trường hợp đó dự án sẽ bị từ chối.

- A. \$243,43
- B. \$251,23
- C. \$268,91
- D. \$272,46
- E. \$289,53

ANSWER: A

Câu 18: Công ty SSK đang xem xét một dự án có dữ liệu về dòng tiền như sau:

WACC = 10%

Năm	0	1	2	3	4	5
Dòng tiền	-\$1.000	\$300	\$295	\$290	\$285	\$280

IRR của dự án là bao nhiêu?

- A. 14,00%
- B. 12,00%
- C. 13,00%
- D. 15,00%
- E. 16,00%

ANSWER A

Câu 19: Công ty ARS đang xem xét 02 dự án S và L, có dòng tiền được trình bày như dưới đây:

WACC = 12%

Năm	0	1	2	3	4
CF(S)	-\$1.025	\$375	\$380	\$385	\$390
CF(L)	-\$2.153	\$750	\$759	\$768	\$777

Các dự án này loại trừ lẫn nhau, rủi ro như nhau và không lặp lại. Nếu quyết định được đưa ra bằng cách chọn dự án có IRR cao hơn, thì giá trị NPV sẽ bị mất bao nhiêu? Lưu ý rằng trong một số điều kiện, việc chọn dự án trên cơ sở IRR sẽ khiến giá trị NPV bị mất.

- A. \$27,52
- B. \$15,57
- C. \$21,49
- D. \$33,69

E. \$37,39

ANSWER A

Câu 20: Công ty Tisis đang xem xét một dự án có dữ liệu về dòng tiền như sau.

Năm	0	1	2	3	4	5
Dòng tiền	-\$1.000	\$300	\$310	\$320	\$330	\$340

Thời gian hoàn vốn của dự án là bao nhiêu?

A. 3,21 năm

B. 2,11 năm

C. 2,50 năm

D. 2,71 năm

E. 3,05 năm

ANSWER A

Câu 21: Các nhà phân tích đầu tư công ty Nevada lưu ý rằng trong năm ngoái mặc dù dòng tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty tăng nhưng khoản mục tiền mặt trong bảng cân đối kế toán của công ty lại giảm. Nội dung nào bên dưới có thể giải thích trường hợp này?

A. Công ty đã đầu tư một khoản tiền lớn vào nhà xưởng mới

B. Công ty đã bán một chi nhánh và nhận lại một khoản tiền mặt

C. Công ty đã cắt giảm chi cổ tức

D. Công ty đã phát hành khoản nợ dài hạn mới

E. Công ty đã phát hành thêm cổ phần thường mới

ANSWER: A

Câu 22: Nội dung nào bên dưới có thể tìm thấy trong bảng cân đối kế toán thuộc về nợ ngắn hạn?

A. Các khoản lương tạm giữ

B. Chi phí khấu hao

C. Các khoản khấu hao vô hình tạm giữ

D. Chi phí hàng bán

E. Các khoản phải thu

ANSWER: A

Câu 23: Năm ngoái công ty WOL có vòng quay tổng tài sản là 1,6 và số nhân vốn chủ sở hữu là 1,85. Doanh thu công ty là \$ 200.000 và lãi ròng là \$10.000. Giám đốc tài chính tin rằng công ty có thể cải thiện hoạt động, giảm chi phí và tăng lãi ròng thêm \$ 5.000 mà không làm thay đổi doanh thu, tài sản và cấu trúc vốn. Hỏi tỷ số ROE đã thay đổi bao nhiêu khi công ty cắt giảm chi phí và tăng thu nhập ròng?

A. 7,4 %

B. 7,2 %

C. 7,6%

D. 7,8%

E. 8,0%

ANSWER: A

Câu 24: Cuối năm 2020, công ty Medical có lợi nhuận giữ (retained earning) lại là \$275 triệu. Trong năm 2021, Công ty có thu nhập mỗi cổ phần là \$0,75, với số cổ phần đang lưu hành là 20 triệu cổ phần. Và công ty đã thanh toán cổ tức là \$0,25 mỗi cổ phần. Hỏi lợi nhuận giữ lại (retained earning) của công ty cuối năm 2021 là bao nhiêu?

A. \$ 285 triệu

B. \$ 255 triệu

C. \$ 265 triệu

D. \$ 275 triệu

E. \$ 295 triệu

ANSWER: A

Câu 25: Công ty EVE có tổng giá trị tài sản là \$75.000, được tài trợ bởi 70% là vốn chủ sở hữu. Nợ vay chiếm 80% tổng nợ phải trả. Hỏi công ty vay bao nhiêu?

A. \$18.000

B. \$16.000

C. \$14.000

D. \$12.000

E. \$10.000

ANSWER: A

Câu 26: Nội dung nào bên dưới là ĐÚNG?

A. Một sự gia tăng tỷ số nợ của công ty mà không làm thay đổi doanh thu hoặc chi phí hoạt động của nó có thể được mong đợi làm giảm lợi nhuận biên

B. Một sự gia tăng tỷ số DSO, những thứ khác giữ nguyên, có thể mong đợi sự gia tăng tỷ số ROE

C. Một sự gia tăng tỷ số DSO, những thứ khác giữ nguyên, có thể mong đợi sự gia tăng tỷ số vòng quay tổng tài sản

D. Tỷ số nợ dài hạn trên tổng vốn có khả năng thay đổi theo mùa kinh doanh nhiều hơn là tỷ số DSO hay vòng quay hàng tồn kho

E. Nếu 02 công ty có cùng tỷ số ROA, công ty với nhiều nợ hơn có thể có tỷ số ROE thấp hơn

ANSWER: A

Câu 27: Hành động nào bên dưới làm tăng tỷ số thanh toán hiện hành?

A. Phát hành thêm cổ phần và sử dụng vốn huy động được để mua thêm hàng tồn kho và đầu tư máy móc thiết bị.

B. Vay nợ ngắn hạn và sử dụng nợ này để thanh toán các khoản nợ đến hạn có thời gian đáo hạn trên 1 năm

C. Sử dụng tiền mặt để mua thêm hàng tồn kho

D. Sử dụng tiền mặt để mua lại cổ phần đang lưu hành

E. Vay nợ dài hạn để xây dựng nhà xưởng mới

ANSWER: A

Câu 28: Công ty CRY năm ngoái có doanh thu là \$435.500; chi phí hoạt động là \$ 350.000 và chi phí lãi vay là \$ 10.000. Hỏi tỷ số thanh toán lãi vay (TIE) của công ty là bao nhiêu?

- A. 8,55
- B. 8,29
- C. 8,42
- D. 8,68
- E. 8,81

ANSWER: A

Câu 29: Công ty Rolle có tài sản là \$500.000 được tài trợ hoàn toàn bằng vốn cổ phần thường. CEO mới của công ty muốn gia tăng vay nợ để đạt được tỷ số Nợ/Tài sản là 45%. Công ty sẽ sử dụng số tiền vay nợ này để mua lại một phần cổ phần thường. Hỏi công ty phải vay nợ bao nhiêu để đạt tỷ số nợ như trên?

- A. \$ 225.000
- B. \$ 240.000
- C. \$ 255.000
- D. \$ 270.000
- E. \$ 285.000

ANSWER: A

Câu 30: Công ty Rangala cho khách hàng nợ 30 ngày mới thanh toán. Doanh thu năm ngoái của công ty là \$450.000 và khoản phải thu cuối năm là \$45.000. Nếu tỷ số DSO của công ty thấp hơn 30 ngày thì nghĩa là khách hàng đã thanh toán đúng hạn. Ngược lại thì khách hàng thanh toán trễ. Hỏi: Năm ngoái, khách hàng của công ty thanh toán trễ hạn hay đúng hạn và Chênh lệch ngày thanh toán giữa DSO của công ty và chính sách tín dụng của công ty là bao nhiêu? (sử dụng 365 ngày/năm khi tính toán DSO)

- A. Trễ hạn và trễ 6,5 ngày
- B. Đúng hạn và sớm 7,5 ngày
- C. Đúng hạn và sớm 7 ngày
- D. Đúng hạn và sớm 8,5 ngày
- E. Trễ hạn và trễ 5,5 ngày

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (1 câu _ 2,5 điểm)**Câu hỏi: (2,5 điểm)**

Công ty Forson có \$ 3.5 triệu tổng tài sản và doanh thu \$ 4,5 triệu. Công ty có bảng cân đối kế toán như bên dưới:

Tiền mặt	\$ 500.000
Khoản phải thu	\$1.200.000
Hàng tồn kho	\$ 900.000
Tổng tài sản cố định	<u>\$ 900.000</u>
Tổng tài sản	<u>\$3.500.000</u>
Khoản phải trả ngắn hạn	\$ 400,000
Khoản tạm giữ ngắn hạn	\$ 100.000
Khoản nợ vay ngắn hạn phải trả	\$ 900.000
Tổng nợ dài hạn	\$1.100.000
Tổng vốn chủ sở hữu	<u>\$1.000.000</u>
Tổng nợ và vốn chủ sở hữu	<u>\$3.500.000</u>

Giám đốc tài chính mới của công ty muốn cải thiện tỷ số vòng quay hàng tồn kho bằng với trung bình ngành là 8. Việc thay đổi này giả định không làm ảnh hưởng đến doanh thu của công ty. Nếu thành công, công ty sẽ có một khoản tiền dư ra từ việc giảm giá trị hàng tồn kho. Một nửa số tiền này dùng để trả bớt các khoản nợ vay ngắn hạn và một nửa còn lại dùng làm giảm vốn chủ sở hữu. Hỏi:

- Vòng quay hàng tồn kho của công ty trước khi có thay đổi là bao nhiêu? (0.5 điểm)
- Giá trị hàng tồn kho của công ty sau khi công ty đạt tỷ số vòng quay hàng tồn kho của trung bình ngành là bao nhiêu? (0.5 điểm)
- Giá trị tổng tài sản ngắn hạn sau khi thay đổi thành công là bao nhiêu? (0.5 điểm)
- Giá trị tổng nợ ngắn hạn sau khi thay đổi thành công là bao nhiêu? (0.5 điểm)
- Tỷ số thanh toán hiện hành sau khi thay đổi thành công là bao nhiêu? (0.5 điểm)

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		7.5	
Câu 1 – 30	ANSWER: A	0.25	
II. Tự luận		2.5	
Nội dung a.	<i>Vòng quay hàng tồn kho = Doanh thu / hàng tồn kho (0.25 điểm)</i> <i>= 4,5 triệu / 900 ngàn = 5 (0.25 điểm)</i>	0.5	

Nội dung b.	<p>Hàng tồn kho để tỷ số vòng quay đạt trung bình ngành</p> <p>Vòng quay hàng tồn kho trung bình ngành = Doanh thu / hàng tồn kho mới (0.25 điểm)</p> <p>8.5 = 4,5 triệu / hàng tồn kho mới => Hàng tồn kho mới = 562.500 (0.25 điểm)</p>	0.5	
Nội dung c.	<p>a. Tổng tài sản ngắn hạn mới = Tiền mặt + khoản phải thu + hàng tồn kho (0.25 điểm)</p> <p>= 500 ngàn + 1,2 triệu + 562.500 = 2.262.500 (0.25 điểm)</p>	0.5	
Nội dung d.	<p>Tổng nợ ngắn hạn mới = khoản phải trả ngắn hạn + khoản tạm giữ ngắn hạn + khoản nợ vay ngắn hạn phải trả (0.25 điểm)</p> <p>= 400 ngàn + 100 ngàn + (900.000 - (562.500:2)) = 1.118.750 (0.25 điểm)</p>	0.5	
Nội dung e.	<p>Tỷ số thanh toán hiện hành mới = Tổng tài sản ngắn hạn mới / Nợ ngắn hạn mới (0.25 điểm)</p> <p>= 2.262.500 / 1.118.750 = 2.02 (0.25 điểm)</p>	0.5	
	Điểm tổng	10.0	

TP. Hồ Chí Minh, ngày ...10.. tháng ...3.. năm 2024

Người duyệt đề

Giảng viên ra và tổng hợp đề



NGUYỄN VŨ HUY

GV. PHAN DUY HIỆP